

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số 92/2023/DS-PT

Ngày 13/12/2023

*“V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Sinh.

2. Ông Lê Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ph; địa chỉ: Số nhà A, đường Trần Phú, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Thái Bình M(chết ngày 12/12/2013). Ngày 23/6/2014, bà Ph có đơn thay đổi người bị kiện, cụ thể:

2.1. Bà Huỳnh Thị Q; địa chỉ: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

2.2. Chị Thái Thị Mộng Đ; địa chỉ: Làng T, xã Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2.3. Chị Thái Thị Mộng Ng; nơi ĐKKHKT: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ hiện nay: Thôn Đồng T2, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Chị Thái Thị Mộng Đ và chị Thái Thị Mộng Ng ủy quyền cho chị Thái Thị V (địa chỉ: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai) tham gia tố tụng.

2.4. Anh Thái Quốc Đ; địa chỉ: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

2.5. Chị Thái Thị V; địa chỉ: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

2.6. Anh Thái Quốc Ph; địa chỉ: Phường Tân Sơn Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí M; nơi ĐKKHTT cuối cùng trước khi chuyển đi: Số nhà B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái Bình M1; địa chỉ: Hẻm C, đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 8, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

3.2. Bà Thái Thị N và ông Phạm Thanh Nh; cùng địa chỉ: Số B, đường Duy Tân, tổ 5, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Thái Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Võ Thị Ph trình bày: Bà và ông Thái Bình M1 sống chung với nhau từ năm 1978, không đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức đám cưới và đã có 05 con chung. Qua 25 năm chung sống vợ chồng, đến năm 2001 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 29/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà với ông M1, theo Bản án số 15/LH-ST ngày 29/7/2013. Khi ly hôn, bà và ông M1 có tài sản chung, nhưng không thỏa thuận được nên có đưa ra một số tài sản cụ thể và nợ chung để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tại thời điểm đó, bà và ông M1 có 2.000m² đất nông nghiệp được Nhà nước giao, bà và ông M1 đã đóng thuế cho Nhà nước nhưng đã thất lạc biên lai và được ông Đào Duy Th ở Đội thuế phường Ia Kring và Chi cục Thuế thành phố Pleiku xác nhận (Diện tích đất này có đóng thuế đất từ năm 2000 đến năm 2002, cụ thể: Năm 2000 đóng 13.000 đồng theo Biên lai số: 20154 ngày 24/10/1999; năm 2001 đóng 12.000 đồng theo Biên lai số: 20805 ngày 30/12/2000; năm 2002 đóng 7.500 đồng theo Biên lai số: 16944 ngày 07/4/2003) nhưng vì chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, bản án có kháng nghị của Viện Kiểm sát cấp tỉnh Gia Lai về phần tài sản và Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử tại Bản án số 13/LH-PT ngày 21/11/2003 hủy án sơ thẩm về phần tài sản, vì vi phạm thủ tục tố tụng.

Sau khi bà và ông M1 ly hôn, phần tài sản vẫn chưa có hiệu lực pháp luật, chưa được thỏa thuận phân chia, chưa có một phán quyết có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền, thì vào ngày 24/02/2004, ông Thái Bình M1 đã phối hợp với anh trai là Thái Bình M hợp thức hồ sơ diện tích đất nói trên bằng cách nhờ cán bộ thuế xác nhận số tiền ông M1 đóng thuế đất là đóng dùm cho anh trai Thái Bình M nhằm mục đích tẩu tán tài sản chung của bà và ông Thái Bình M1 có được trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 04/5/2004, ông Thái Bình M được UBND thành phố

Pleiku cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 6.000m², Giấy chứng nhận mang số hiệu Đ 693840 vào sổ cấp giấy chứng nhận 00667/62/QĐ-UB (TP). Khi bà phát hiện thì đã nhiều lần đến gặp ông M đề nghị nhanh chóng đính chính sổ và giao trả lại phần đất mà theo luật bà sẽ được chia là 1.000m² nhưng ông M không chịu giao trả. Bà cho rằng ông Thái Bình M đã hợp thức hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận một cách trái phép để chiếm dụng đất là tài sản của bà được Nhà nước giao cho bà quản lý sử dụng từ năm 1986. Ngày 16/5/2011, bà đã làm Đơn khiếu nại đến UBND phường Ia Kring yêu cầu giải quyết. Ngày 10/8/2011, UBND phường Ia Kring đã triệu tập các bên đương sự tham gia giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, bà Võ Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người bị kiện phải trả lại cho bà 1.000m² đất mà bà được chia trong tổng diện tích 2.000m² đất trước đây Nhà nước giao cho bà và ông Thái Bình M1.

Bị đơn, ông Thái Bình M lúc còn sống trình bày: Năm 1986, ông được Nhà nước cấp đất nông nghiệp, ông đóng tiền cày đầy đủ nhận đất để canh tác. Năm 1986, ông có hợp đồng cung ứng vật tư được UBND thị xã Pleiku duyệt ký, Nhà nước công nhận được ghi tên ông trong bản đồ địa chính. Vì sức khỏe ông bị đau ốm luôn nên cuối năm 1987, ông cho em của ông mượn đất trồng hoa màu sinh sống, em trai Thái Bình M1 mượn 02 sào, em gái Thái Thị N mượn 02 sào, để sản xuất. Hai em ông đã đứng tên đóng thuế thay cho ông, có xác nhận của Đội thuế và UBND phường Ia Kring. Ngày 04-5-2004, ông được UBND thành phố Pleiku cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi được cấp giấy chứng nhận không có tranh chấp nào. Vợ chồng ông Thái Bình M1 - Võ Thị Ph mượn đất của ông trồng hoa màu sinh sống, khi vợ chồng mâu thuẫn không làm nữa, ông vẫn canh tác đất ổn định đến nay. Ông không đồng ý trả lại cho bà Ph 1.000m² đất nông nghiệp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà Ph không có bằng chứng để chứng M đất của bà Ph.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Q trình bày: Khoảng năm 1986, gia đình bà được Nhà nước giao đất lập vườn. Khi đó gia đình bà có 03 nhân khẩu là: Bà (Huỳnh Thị Q), chồng bà là Thái Bình M và con gái là Thái Thị Mộng Đ. Việc cấp đất ra sao bà và con gái bà không được biết mà do chồng bà trực tiếp làm việc, liên hệ làm thủ tục, trả tiền cày và nhận đất để canh tác. Quá trình canh tác thì vợ chồng chú M1, cô N có nhờ đất canh tác để giải quyết khó khăn, sau này họ không sử dụng nữa và trả lại cho bà. Việc bà Võ Thị Ph (vợ chú M1) tranh chấp đất đó với chồng bà là không đúng, bà không chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn, chị Thái Thị Mộng Đ trình bày: Khoảng năm 1986, gia đình chị được Nhà nước cấp đất lập vườn ở khu nghĩa địa cũ, phường Diên Hồng. Khi đó chị còn nhỏ tuổi nên không biết, không tham gia mà do ba chị là Thái Bình M trực tiếp liên hệ làm việc, chị không biết cụ thể. Khi đó chị đã có hộ khẩu cùng ba mẹ,

chị được 10 tuổi, còn đi học. Nay bà Ph tranh chấp đất với ba chị là không đúng. Chị không đồng ý yêu cầu tranh chấp của bà Ph, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn, chị Thái Thị V trình bày: Ba chị là ông Thái Bình M có 6.000m² đất tại tổ 7, phường Ia Kring đã đứng tên sở hữu của ba chị. Nay ba chị đã mất, chị và các anh chị em là người được thừa kế lô đất trên, và bản thân chị không đồng ý yêu cầu của bà Võ Thị Ph về việc chia cho bà Ph 1.000m² đất. Chị và gia đình thống nhất chỉ cho bà Ph 500m² đất trong tổng diện tích đất của ba chị là Thái Bình M để lại tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Còn bà Ph yêu cầu được nhận 1.000m² thì chị và gia đình không đồng ý.

Bị đơn, chị Thái Thị Mộng Ng trình bày: Đối với việc bà Võ Thị Ph trước đây khởi kiện ông Thái Bình M và hiện nay là khởi kiện bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, anh Thái Quốc Ph, anh Thái Quốc Đ và chị về việc yêu cầu những người thừa kế của ông Thái Bình M trả lại cho bà Ph diện tích đất 1.000m² tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, là phần tài sản của bà Ph trong tổng diện tích đất 2.521m² đứng tên ông Thái Bình M tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là đất do ông Thái Bình M (tức bố chị) tự một mình khai hoang, không liên quan đến bà Võ Thị Ph nên chị không đồng ý trả lại đất cho bà Võ Thị Ph, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thái Bình M1 trình bày: Ông không chấp nhận việc bà Ph khởi kiện đòi trả đất, bởi vì đất ông mượn anh Thái Bình M để sản xuất hưởng lợi từ cây lương thực hoa màu, việc thỏa thuận này bằng lời nói, anh M thống nhất cho ông mượn đất để sản xuất và mùa vụ năm 1989 nhưng phải có trách nhiệm đóng thuế phần đất ông đã mượn của anh M. Sau khi vợ chồng ông mâu thuẫn không làm nữa, việc canh tác trên đất đó là do anh của ông làm. Ông không có quyền lợi gì liên quan đến phần đất mà bà Ph khởi kiện, đồng thời ông không có nghĩa vụ gì về việc kiện của bà Ph.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xử cho bà Ph được ly hôn ông, thì ông đã kháng cáo và yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là quyền sử dụng đất 2.000 m² trong tổng diện tích 6.000 m² mà anh trai ông là Thái Bình M đứng tên sử dụng. Nguồn gốc diện tích là của anh trai ông Thái Bình M được phường giao để canh tác. Sau đó anh trai ông là Thái Bình M cho ông canh tác để thu lợi hoa màu chứ không phải cho đất. Lúc đó, ông kháng cáo yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông và bà Ph đối với diện tích đất này là do ông sai lầm vì tưởng anh trai cho ông quyền sử dụng đất này.

Người làm chứng là ông Nguyễn Tr trình bày: Vào năm 1986, vợ chồng ông M1, bà Ph được UBND phường Diên Hồng cấp cho một thửa đất với diện tích là 02 sào tại tổ 10 phường Diên Hồng, diện tích đất này cách thửa đất của ông khoảng

150 mét (đất của ông được cấp 02 sào). Vợ chồng ông M1, bà Ph có trồng cây bạch đàn trên đất được cấp. Việc cấp đất có văn bản hay không thì ông không biết.

Người làm chứng là bà Ma Thị Th và ông Thái M S trình bày:

Năm 1986, vợ chồng ông M1, bà Ph được UBND phường Diên Hồng cấp cho một thửa đất với diện tích là 01 sào, sau đó ông M1 và bà Ph canh tác thêm 01 sào liền kề nữa là thành 02 sào tại tổ 10 phường Diên Hồng, diện tích đất này sát đất của ông Thái Bình M; đất của ông M sát đất bà Thái Thị N; đất của bà N sát đất của bà (04 thửa đất liền kề nhau).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; và các Điều: 144, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều: 2, 5, 6, 98, 99, 100, 101, 170 của Luật đất đai năm 2014;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị Ph.

Buộc bị đơn là bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph, anh Thái Quốc Đ phải trả lại cho bà Võ Thị Ph diện tích đất là 1.000m² (bằng chữ: Một nghìn mét vuông), loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 160 (cũ), tờ bản đồ số: 63 (cũ); phía Đông giáp đất ông Phạm Thanh Nh và bà Thái Thị N, chiều dài: 43,78 mét + 14,40 mét = 58,18 mét; phía Tây giáp đất còn lại của ông Thái Bình M, dài 39,24; phía Nam giáp thửa đất số 161, rộng 21,44 mét; phía Bắc giáp đường đi, rộng 16,5 mét. Vị trí thửa đất tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (có bản trích đo hiện trạng đất kèm theo), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 693837 do UBND thành phố Pleiku cấp cho ông Thái Bình M ngày 04/5/2004.

Buộc bị đơn phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Võ Thị Ph nộp theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cấp của bà Ph, để chỉnh lý biến động. Trường hợp bị đơn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý biến động, thì bà Võ Thị Ph vẫn được quyền đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph, anh Thái Quốc Đ, mỗi người phải chịu 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Ph số tiền là 1.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0005826 ngày 21-11-2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph và anh Thái Quốc Đ, mỗi người phải hoàn trả cho bà Võ Thị Ph số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 2.250.000 đồng; tổng số tiền hoàn trả là 13.500.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2023, chị Thái Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, xử lại vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự gồm bà Huỳnh Thị Q, anh Thái Quốc Đ, anh Thái Quốc Ph, bà Thái Thị N và ông Phạm Thanh Nh đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 1986 theo Chỉ thị của UBND thị xã Pleiku, tỉnh Gia Lai – Kon Tum (cũ), cấp đất cho xã, phường; các xã, phường sẽ phân về các tổ, các tổ sẽ phân cho các hộ trong tổ và ông Thái Bình M1 cũng được phân chia đất của tổ dân phố 02 sào (tương ứng 2.000m²), gia đình ông Thái Bình M 02 sào, gia đình Thái Thị N 02 sào. Sau đó, ông Thái Bình M đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 693837 ngày 04/5/2004 mang tên ông Thái Bình M.

[3] Năm 2003 bà Võ Thị Ph và ông Thái Bình M1 ly hôn. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2003 (BL 115) ông Thái Bình M và bà Thái Thị N trình bày: *“Chúng tôi công nhận lô đất tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku có 6.000m² theo tờ bản đồ số 63, thửa đất số 160 đứng tên tôi Thái Bình M nhưng ba anh em chung nhau, cụ thể: Tôi Thái Bình M, Thái Bình M1, Thái Thị Năm, mỗi người có diện tích là: 2.000m². Đất này hiện tôi đã kê khai làm quyền sử dụng đất, sau này tôi làm quyền sử dụng đất tôi sẽ tách riêng ra giao đất cho vợ chồng Ph +*

M1 và vợ chồng N, mỗi gia đình 2.000m² đất”. Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 160, tờ bản đồ số 63, tại địa chỉ tổ 7 phường Ia Kring, Pleiku tuy hiện nay đứng tên ông Thái Bình M nhưng có nguồn gốc do UBND thị xã Pleiku giao cho UBND xã, phường và giao cho các hộ dân vào năm 1986 để phát triển trồng cây cà phê xây dựng kinh tế vườn; ông Thái Bình M1 và bà Võ Thị Ph tại thời điểm đó là vợ chồng và cũng được giao 2.000m².

[4] Tại Đơn xin xác nhận mất giấy biên lai thuê đất nông nghiệp ngày 01/11/2006 (BL 17), ông Thái Bình M1 trình bày: “*Nguyên tôi có 1 lô đất 2.000m² ở phường IaKring, tổ 7. Từ trước tới năm 2002, tôi đóng thuế nông nghiệp đầy đủ, hiện nay bị thất lạc giấy nộp thuế không tìm thấy nên kính chuyển lên quý cấp xác nhận cho tôi để tiện việc sử dụng*”. Đơn có xác nhận nộp thuế (từ năm 2000 đến năm 2002) của Đội thuế phường IaKring ngày 02/11/2006 và Chi cục thuế Pleiku ngày 06/11/2006. Ngoài ra, khi ông M1 và bà Ph giải quyết vụ án ly hôn, tại đơn kháng cáo đề ngày 08/8/2003 và ngày 06/9/2003 ông M1 trình bày: “*Đất sản xuất tôi có 2 sào chung trong 01 lô đất ông anh Thái Bình M đứng tên 06 sào: anh M 02 sào, em Thái Thị N 02 sào tại Tổ 7 phường IaKring nhưng Tòa án sơ thẩm không giải quyết*”. Lời khai của ông M1 phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Tr, bà Ma Thị Th và ông Thái Minh S.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Võ Thị Ph, ông Thái Bình M1 được cấp trong cùng diện tích đất với ông Thái Bình M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 693837 do UBND thành phố Pleiku cấp cho ông Thái Bình M ngày 04/5/2004.

[6] Từ những phân tích và đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả diện tích 1.000m² đất thuộc số: 160 (cũ), tờ bản đồ số: 63 (cũ) tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của chị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Thái Thị V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; và các Điều: 144, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều: 2, 5, 6, 98, 99, 100, 101, 170 của Luật đất đai năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị Ph.

Buộc bị đơn là: Bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph, anh Thái Quốc Đ phải trả lại cho bà Võ Thị Ph diện tích đất là: 1.000m² (bằng chữ: Một nghìn mét vuông), loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 160 (cũ), tờ bản đồ số: 63 (cũ); phía Đông giáp đất ông Phạm Thanh Nh và bà Thái Thị N, chiều dài: 43,78 mét + 14,40 mét = 58,18 mét; phía Tây giáp đất còn lại của ông Thái Bình M, dài 39,24; phía Nam giáp thửa đất số 161, rộng 21,44 mét; phía Bắc giáp đường đi, rộng 16,5 mét. Vị trí thửa đất tại tổ 7, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (có bản trích đo hiện trạng đất kèm theo), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 693837 do UBND thành phố Pleiku cấp cho ông Thái Bình M ngày 04/5/2004.

Buộc bị đơn phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Võ Thị Ph nộp theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cấp của bà Ph, để chỉnh lý biến động. Trường hợp bị đơn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý biến động, thì bà Võ Thị Ph vẫn được quyền đăng ký Q sử dụng đất nêu trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph, anh Thái Quốc Đ, mỗi người phải chịu 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Ph số tiền là: 1.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0005826 ngày 21-11-2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Huỳnh Thị Q, chị Thái Thị V, chị Thái Thị Mộng Đ, chị Thái Thị Mộng Ng, anh Thái Quốc Ph và anh Thái Quốc Đ, mỗi người phải hoàn trả cho bà Võ Thị Ph số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 2.250.000 đồng; tổng số tiền hoàn trả là 13.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Thái Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp trước đây theo biên lai số 0000464 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án Phc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn

